

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hải Long

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1972.

HKTT: Số 01 PĐTV, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ hiện nay: Số 62A NHC, Phường x, thành phố Đà Lạt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm: 1963.

HKTT: Số 01 PĐTV, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ hiện nay: Số 62A NHC, Phường x, thành phố Đà Lạt.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Anh chị kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 29/7/2008. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại khu tập thể B3 Trường Đại học Đà Lạt được 01 tháng thì chuyển ra ở trọ tại khu đồi thông tin, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân: lúc chị nói chuyện gì thì anh H không nghe, cứ nói được câu là lại cãi nhau. Vợ chồng không đánh đập nhau. Anh H không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù chị đi buôn bán thì dù có trưa hay tối về muộn thì anh H cũng gọi chị về lo cơm nước trong nhà chứ anh H không tự nấu, rất ít khi anh H nấu cơm. Anh H đi đâu làm gì cũng không báo cho chị biết, chị có hỏi thì anh bảo có nói cũng không biết, hỏi làm gì, anh coi thường chị.

Vợ chồng hiện đang sống chung nhà nhưng ngủ riêng 03 năm nay. Việc ai nấy làm, anh H không đồng ký đơn ly hôn và nói vợ chồng cứ góp gạo nấu cơm chung vậy thôi.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009. Hiện con đang sống chung cùng hai vợ chồng tại nhà trọ ở 278 PĐTV, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Hiện nay chị đang làm nghề buôn bán tự do cụ thể bán đồ ăn sáng ở đường PĐTV, thu nhập hàng tháng 5.000.000đ - 6.000.000đ. Còn anh H làm nghề mộc, mở xưởng tại nhà, thu nhập hàng tháng không ổn định.

Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

** Bị đơn anh Lê Văn H trình bày:*

Anh chị kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại khu tập thể B3 Trường Đại học Đà Lạt được 01 năm thì chuyển ra ở trọ tại khu đồi thông tin, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đến hai, ba năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn về tài chính, công việc, cách nuôi dạy con chung. Vợ chồng không đánh đập nhau. Vợ chồng hiện đang sống chung nhà ăn chung nhưng ngủ riêng 03 năm nay.

Hiện anh đang làm xưởng mộc, thu nhập không ổn định. Trước thì làm được bao nhiêu tiền về anh đều đưa cho vợ chi tiêu còn thời gian gần đây làm ăn khó

khẩn nên không có thu nhập thì vợ tự lo.

Nay chị S đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý và anh không có phương án để vợ chồng đoàn tụ, tùy thuộc vào chị S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009. Hiện nay cháu học cấp 2 Trường trung học phổ thông Nguyễn Du, thành phố Đà Lạt. Hiện con đang sống chung cùng hai vợ chồng tại nhà trọ ở 278 PĐTV, Phường x, thành phố Đà Lạt. Anh là người đưa đón con đi học. Chi phí ăn học, chi phí chi tiêu trong nhà hai vợ chồng cùng lo.

Hiện nay chị S đang làm nghề buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng của chị S thì anh không biết. Còn anh làm nghề mộc, mở xưởng tại nhà, thu nhập hàng tháng không ổn định.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung: Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu A lại có nguyện vọng ở với anh H nên chị tôn trọng ý kiến của con và đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Còn anh H trình bày: Anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung, hiện anh làm nghề mộc, có xưởng riêng thu nhập hàng tháng không ổn định vì anh làm theo hợp đồng, hoàn thành hợp đồng mới nhận tiền nên đủ điều kiện đảm bảo cho con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị S và bị đơn anh H có đăng ký kết hôn, nay chị S có đơn yêu cầu được ly hôn với anh H; hiện nay bị đơn anh H sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị S và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/7/2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là có trên thực tế và hai người đã có 01 con chung.

Tuy nhiên, theo chị S thì sau khi kết hôn 01 năm thì cảm thấy không hợp nhau, đỉnh điểm năm 2018 mâu thuẫn tăng lên do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng chị đang sống chung nhà, ăn chung nhưng ly thân 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Theo lời khai của anh H cũng thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, gần hai, ba năm nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không đánh nhau nhưng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là về tài chính, công việc, cách nuôi dạy con chung. Tuy ở cùng nhà nhưng 03 năm nay vợ chồng sống ly thân, việc ai nấy làm. Anh cũng không có phương án để vợ chồng hàn gắn tình cảm, tùy thuộc vào lương tâm của chị S.

Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương ngày 21/7/2022 (*bút lục số 36*) về mâu thuẫn hôn nhân của chị S và anh H thì chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh H, chị S không báo lên chính quyền địa phương. Đối với việc nuôi dạy chăm sóc con chung thì cả anh H, chị S đều tốt.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.*

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị S và anh H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng chị S, anh H tuy sống cùng nhà nhưng ngủ riêng và người nào chỉ biết bổn phận người đó, không

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong suốt quá trình chị S gửi đơn đề nghị ly hôn đến Tòa án cho đến nay thì anh H và chị S cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm. Sau ngày 08/7/2022 thì Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và đã tổng đạt hợp lệ các thông báo cho anh H nhưng anh H chỉ có mặt một lần còn lại anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó chị S yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Chị S và anh H xác nhận anh chị có 01 con chung là Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009.

Cả anh H và chị S đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện kinh tế: Theo chị S thì hiện chị là buôn bán tự do, thu nhập thu nhập 5.000.000đ - 6.000.000đ/tháng còn anh H làm thợ mộc, thu nhập hàng tháng không ổn định. Anh H trình bày anh làm nghề mộc và có xưởng mộc riêng, thu nhập hàng tháng không ổn định nhưng anh nhận tiền theo hợp đồng chứ không theo tháng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về chỗ ở cả chị S và anh H đều thừa nhận anh chị đang thuê nhà ở.

Xét về điều kiện kinh tế và chỗ ở của chị S và anh H là ngang nhau nhưng người thường xuyên đưa đón cháu A đi học từ trước tới nay là anh H.

Xét về nguyện vọng của con chung: Theo bản tự khai ngày 09/8/2022 của cháu Lê Nguyễn Nhật A thì cháu A có nguyện vọng được ở với “ba” là anh H.

Xét thấy, hiện nay anh H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, chị S thì cũng đồng ý với nguyện vọng của con và đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị vẫn có trách nhiệm cùng anh H chăm sóc, nuôi dạy con. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung trưởng thành nên Hội đồng xét xử cần giao con chung Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh H cũng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57, 58, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Lê Văn H. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S và bị đơn anh Lê Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 05/02/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001908 ngày 10/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị S và anh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được

sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.x, TP. Đà Lạt;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Dương Thị Liên